

# MẤY ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆC TIẾP NHẬN NHO GIÁO Ở VIỆT NAM, TỪ KHỞI NGUỒN TỚI ĐẦU THẾ KỶ XX (Tiếp theo)

NGUYỄN KIM SƠN (\*)

*Nghiên cứu quá trình tiếp nhận Nho giáo của người Việt suốt chiều dài lịch sử mấy nghìn năm, trong điều kiện tư liệu khó khăn, phức tạp là một đề tài nghiên cứu vừa lớn vừa khó. Bài viết này đưa ra một số ý kiến có tính chất nêu vấn đề, phác thảo thô sơ về một số đặc điểm của quá trình tiếp nhận Nho giáo của người Việt Nam; bàn về một số đặc điểm của việc người Việt Nam tiếp nhận Nho giáo từ Trung Quốc, mà không phải toàn bộ các vấn đề liên quan tới việc truyền bá (xét từ chủ thể là phía Trung Quốc) cũng như toàn bộ những nội dung phức tạp của quá trình tiếp nhận (xét từ phía Việt Nam), mặc dù hai quá trình đó là hai mặt của cùng một vấn đề. Bài viết cũng chưa bàn sâu về các đặc điểm của Nho giáo Việt Nam nói chung.*

## 6. Nhân tố chính trị đóng vai trò quan trọng hàng đầu

Trong sự tiếp nhận Nho giáo ở Việt Nam, nhân tố chính trị, phương diện chính trị, lý do chính trị, mục đích chính trị đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trong một số bài viết về đặc điểm của Nho giáo Việt Nam, các tác giả Trần Đình Hượu(12), Trần Văn Đoàn cũng đã đặc biệt nhấn mạnh vấn đề này. Sự tiếp nhận Nho giáo không chỉ thể hiện ở các bình diện có liên quan tới chính trị nói trên, mà còn thể hiện cả ở cách thức, động thái, vận dụng Nho giáo mang màu sắc chính trị hơn là học thuật, hay luân lý đạo đức. Dĩ nhiên, đối với Nho giáo, chính trị, tôn giáo và đạo đức hợp nhất làm một, nhưng tiếp nhận Nho giáo theo cách thức hoạt động chính trị vẫn là điều đáng lưu ý.

Thời kỳ trước thế kỷ X, một vài nhân vật có ý định gây dựng cơ nghiệp riêng, hùng cứ một phương (tức lý do chính trị) lập tức có động thái chiêu tập Nho sĩ, mở mang hoạt động văn chương học thuật và mở trường dạy Nho học. Sĩ Tiếp là một trường hợp tiêu biểu. Đến sau này, ở vùng Hà Tiên, Mạc Cửu với mong muốn bài Thanh phục Minh cũng có những hoạt động tương tự, tạo ra không khí học thuật và văn chương ở vùng Hà Tiên thời các chúa Nguyễn.

Thời Đinh, Lê, Lý, Trần, trong khi tư tưởng, văn hóa Phật giáo chi phối mạnh mẽ và toàn diện, tư tưởng Nho giáo vẫn được tiếp nhận trên phương diện chính

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

(12) Xem: Trần Đình Hượu. *Trần Đình Hượu tuyển tập*, t.1. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

trị và cho các hoạt động chính trị. Lý luận về ngôi vị và đạo cai trị hoàn toàn theo Nho giáo. Các vị cao tăng khi bàn luận về chính trị, tư vấn cho vua, khuyên vua đều viện dẫn tới các nội dung chính trị và đạo đức của Nho giáo. Ở các triều đại này, Nho giáo tồn tại chủ yếu trên bình diện chính trị, hoạt động chính trị và chủ yếu trong phạm vi chính trị. Đến thời Lê thế kỷ XV, để đáp ứng việc điều chỉnh thể chế, xác lập bộ máy quan liêu, giáo dục và khoa cử Nho học đã được mở mang và phát triển tới đa. Đến đầu thế kỷ XX, khi chế độ giáo dục khoa cử Nho học dần bị thay thế bởi nền giáo dục Pháp - Việt với nội dung mới, nhất là khi chế độ chuyên chế quan liêu bị lật đổ, Nho giáo đã mất đi chỗ dựa quan trọng nhất và suy thoái một cách nhanh chóng. Trong suốt chặng lịch sử từ sau thế kỷ X đến thế kỷ XX, Nho giáo luôn gắn với chế độ tuyển quan (nhà sư muốn làm quan cũng phải học Nho), gắn với khoa cử tuyển quan về thực chất cũng là gắn với thể chế chính trị, nhu cầu chính trị.

Chính trị là lý do thúc đẩy việc tiếp nhận Nho giáo, nhưng cũng chính lý do này đã ngăn cản và hạn định việc tiếp nhận Nho giáo ở chiều học thuật sâu hơn và chủ động hơn. Vì lý do chính trị mà các triều đại không cử người vào Trung Quốc học tập Nho học, cũng vì lý do chính trị mà làm hình thành một thái độ khảng định mình không kém Trung Quốc trên các phương diện hoạt

động của Nho học. Nhân tố chính trị chi phối lựa chọn nội dung khoa cử, kinh điển giảng dạy, khu biệt phạm vi chính thống với các miền cấm kỵ... đã làm triệt tiêu các cọng sát tư tưởng và tiếp nhận tự do có phản biện...

Đứng ở tầng thứ sâu hơn, lý do chính trị còn chi phối cả các hoạt động học thuật của nhà nho. Mục tiêu chính trị quan trọng hơn chân lý học thuật hay sự thỏa mãn nhu cầu tri thức. Lê Quý Đôn trong lời tựa *Thư kinh điển nghĩa*, đã nêu vấn đề có nên phân biệt Thượng thư kim văn và Thượng thư cổ văn hay không như sau: “無論古文、今文，體製、句字之異，大抵同此道則治，反此道則亂，如此則興，不如此則亡。”(13) (*Vô luận là cổ văn hay kim văn, thể chế, câu chữ khác nhau, nhưng đại để theo đạo đó thì trị, không theo đạo đó thì loạn, làm như vậy thì hưng thịnh, không theo như thế thì suy vong*). Như vậy, cái nội dung của kinh điển phục vụ cho mục tiêu chính trị mới là cái quan trọng, nó quan trọng hơn vấn đề văn bản, văn tự hay những sự khác biệt khác giữa Thượng thư cổ văn và Thượng thư kim văn, vốn đã tạo thành những đấu tranh học phái gay gắt suốt trên nghìn năm ở Trung Quốc.

---

(13) Văn bản *Thư kinh điển nghĩa* ký hiệu A 1251 hiện đang lưu giữ bị khuyết mất hai trang đầu thuộc phần tựa của tác giả. May mắn là toàn văn lời tựa này đã được Phan Huy Chú chép lại trong *Lịch triều hiến chương loại chí* Trần Văn Giáp trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* cũng giới thiệu toàn văn nguyên bản chữ Hán lời tựa này.

Ở đời Trần, khoảng giữa và cuối của triều đại này, khi mà Nho học đã có bước phát triển nhất định, chính trị đã mang đậm sắc thái Nho giáo, thì Thái học sinh đã khá thịnh hành, chỉ chưa hoàn bị một chút so với thi tiến sĩ, nhưng thời kỳ này vẫn diễn ra nhiều đợt việc vua chỉ trích các nho sĩ học tập theo lễ nghi phong tục phương Bắc. Hiện tượng Nho giáo chi phối hoạt động chính trị mạnh hơn vai trò và vị trí tầng lớp nho sĩ là một biểu hiện sinh động cho việc Nho giáo được ưu tiên dùng cho phương diện chính trị trước khi có cả một hệ thống thượng tầng và hạ tầng đồng bộ tương thích nhau.

### 7. Ảnh hưởng chủ yếu theo phương thức “top down”

Việt Nam tiếp nhận Nho giáo chủ yếu theo phương thức từ trên xuống (top down), từ tầng thứ chính trị rồi dần ảnh hưởng tới các lĩnh vực đời sống văn hóa, xã hội khác. Từ trước độc lập, Nho giáo được truyền bá và tiếp nhận chủ yếu gắn với yêu cầu cai trị và hoạt động chính trị. Từ sau thời kỳ độc lập, cũng vì nhu cầu kiến tạo triều đại, nhu cầu cai trị mà Nho giáo được lựa chọn. Nho giáo thông qua con đường giáo dục và khoa cử tuyển quan đã từng bước ảnh hưởng tới tầng lớp sĩ phu. Tiếp sau và thông qua tầng lớp sĩ phu nó tác động ngày càng sâu vào đời sống các gia tộc và làng xã, làm biến đổi dần phong tục tập quán, hệ giá trị, lễ nghi... Những lễ nghi và tập tục theo Nho giáo được thực thi trong hoàng tộc, các dòng họ đại

khoa sẽ dần làm khuôn mẫu và ảnh hưởng tới các gia tộc bình dân khác.

Trong việc tiếp nhận Nho giáo và tạo ảnh hưởng Nho giáo sâu rộng tới xã hội Việt Nam truyền thống, thì nền giáo dục và chế độ khoa cử có vai trò quan trọng nhất, là yếu tố quyết định nhất. Học Nho giáo để làm quan, để có thể tiến thân, để được sống một cách sang trọng và được vị nể đã làm cho Nho giáo từng bước có chỗ đứng và ảnh hưởng ngày càng sâu rộng trong xã hội. Rất ít người học sâu Nho giáo cốt để tu thân dưỡng tâm, an bản lạc đạo theo kiểu Khổng Nhan lạc xứ. Tới đầu thế kỷ XX, khi chế độ khoa cử Nho học kết thúc, hầu như không còn ai đi học Nho giáo với nhu cầu tự thân để tu thân sửa kỷ hoàn thiện bản thân theo những tín niệm đạo đức và nhân cách nữa. Học Nho về thực chất chuyển sang mục tiêu công lợi, mục tiêu thực dụng. Đó là một khía cạnh biểu hiện của phương thức tiếp nhận top down. Cũng chính điều này là tiền đề nảy sinh những hệ quả khác thuộc phạm vi nội dung và đặc điểm của Nho giáo ở Việt Nam, đặc điểm tầng lớp nho sĩ ở Việt Nam.

Các vua từ Lê Thánh Tông thế kỷ XV cho tới các vua thời Trung Hưng thế kỷ XVIII, vua triều Nguyễn thế kỷ XIX nhiều lần ban hành các điều khoản giáo hóa dân, chẳng hạn *Lê triều giáo hóa điều lệ*(14) (thời Lê), cho tới *Thánh dụ*

(14) *Lê Triều giáo hóa điều lệ*. A 1507. Kho sách viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội

*huấn dịch thập điều*(15) (triều Nguyễn) là một loại hoạt động mang tính dẫn dắt và định hướng từ trên xuống dân chúng, định hướng cho đời sống tinh thần xã hội. Các bộ luật từ Luật Hồng Đức tới luật triều Nguyễn là những bước đi nhằm thể chế hóa đối với các giá trị Nho giáo, chúng có sức ảnh hưởng rất mạnh từ phương diện lựa chọn chính trị tới đời sống xã hội. Việc soạn hương ước, gia phả, gia ước, tộc quy, gia huấn... từ các thế kỷ XVI trở về sau đều là những cách thức tạo sức ép, định hướng và chế tài cho các giá trị Nho giáo đi vào đời sống cộng đồng, gia tộc và các cá nhân người Việt. Quá trình này diễn ra khá chậm, tới tận thế kỷ XIX nó vẫn tiếp tục và đã kết thúc một cách dang dở.

Cần nhắc lại rằng, việc truyền bá Nho học theo cách có một ông thầy xuất sắc gốc phương Bắc xuất hiện, mở trường dạy học, đào tạo học trò, gây dựng học phái, ảnh hưởng tới phong tục lễ nghi địa phương rồi sau đó học trò mới tham gia chính trị, điều chỉnh đường hướng của triều đại như kiểu Võ Trường Toản và Gia Định Tam gia, nhóm Gia Định, tức ảnh hưởng từ trong đời sống dân gian mà tiến tới tác động chính trị, là trường hợp có thể nói là duy nhất trong lịch sử Nho giáo Việt Nam. Khung cảnh chung là ảnh hưởng theo cách từ một lựa chọn của lực lượng chính trị rồi sau đó dẫn dắt toàn thể đời sống xã hội vận động theo.

## **8. Làng và họ tạo ra sự khác biệt của Nho giáo Việt Nam so với Nho giáo các nước Đông Á**

Cơ sở hình thành Nho giáo Trung Quốc là Vu giáo, thể chế tông pháp, kết cấu gia tộc đặc trưng của người Trung Quốc. Từ trong văn hóa gia tộc mà các phạm trù luân lý đạo đức quan trọng nhất của Nho giáo như *Hiếu, Lễ, Đức* được hình thành, rồi từ luân lý gia tộc thành luân lý xã hội và thành chính trị quốc gia. Mô hình xã hội là gia đình mở rộng, từ gia đến quốc đến thiên hạ đều theo mô thức gia đình. Khi Nho giáo ảnh hưởng tới Việt Nam, từ tầng thứ chính trị nó ảnh hưởng tới các phương diện văn hóa gia tộc, phong tục tập quán, cũng như các giá trị văn hóa, xã hội nhân sinh khác. Nhận xét của vị quan cai trị nhà Minh về sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ XV đã dẫn ở trên là ví dụ sinh động cho việc Nho giáo đã có ảnh hưởng mạnh ở kết cấu thượng tầng, nhưng lại chưa thấm tới đời sống tinh thần dân chúng. Nho ảnh hưởng qua giáo dục và khoa cử, do đó thông qua tầng lớp sĩ phu, nó làm biến đổi dần từng bước mô hình gia đình, gia tộc và kết cấu làng họ. Ý thức gia tộc theo kiểu Nho giáo gia tăng dần từng bước và khá chậm chạp. Hệ thống gia phả của các dòng họ sĩ phu hình thành khá muộn, chỉ vào các thế kỷ XVI trở về sau, và các loại tộc ước gia quy, gia lễ cũng phải tới các thế kỷ XVII-XVIII

(15) *Thánh du huấn dịch thập điều*. A2611. Kho sách viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội

mới hình thành. Khi Nho giáo ảnh hưởng tới các gia tộc và gia đình nhỏ, nó đã không làm biến đổi được các đơn vị xã hội này thay đổi theo mô hình gia tộc Trung Quốc bởi sự khác biệt về đời sống kinh tế, sản xuất cùng các yếu tố văn hóa cộng đồng khác. Các tộc họ ở Việt Nam gắn kết lỏng lẻo và không có yếu tố kinh tế quyết định sự gắn bó. Chủ yếu gắn kết ở việc thờ cúng tổ tiên chung và sự tương trợ mang tính tình nghĩa, không khác nhiều so với tình làng nghĩa xóm.

Chúng tôi có khảo sát trên 40 văn bản tộc ước, gia quy của các dòng họ ở miền Bắc Việt Nam, hầu như không có văn bản tộc ước gia quy nào quy định về quyền và nghĩa vụ của tông tộc tử (trưởng tộc), điều mà nhiều tộc ước gia quy Trung Quốc đặc biệt quan tâm(16). Các quy định của các tộc họ ở Việt Nam chủ yếu quy định về việc tế lễ, việc đoàn kết gia tộc, đóng góp kinh phí để phục vụ tế tự và sử dụng nguồn tài sản chung (chủ yếu ruộng họ) để phục vụ cúng tế. Qua các văn bản tộc ước, có thể thấy tổ chức theo mô hình gia đình hạt nhân hay gia đình nhỏ tối đa 3 - 4 thế hệ là mô hình phổ biến ở Việt Nam. Sự khác nhau trong mô hình gia đình, tộc họ là một lý do khiến việc tiếp nhận Nho giáo trên các phương diện luân lý gia tộc không sâu đậm như ở Trung Quốc. Phạm trù *Hiếu, Kính, Đễ, Lễ*... không được đẩy tới mức tiêu biểu và thậm chí là cực đoan như trong Nho giáo Trung Quốc. Gia đình nhỏ làm hạt nhân thì việc *tề gia* không gay gắt lắm

như việc điều khiển một gia tộc lớn vốn cần tới kỹ năng quản lý sắp đặt và tạo mẫu mực để giáo dục tập hợp cả gia tộc lớn. Vai trò tề gia trong gia đình hạt nhân có thể do người phụ nữ đảm nhận, lại có vai trò ngang bằng, thậm chí là người quyết định trong gia đình hạt nhân đó. Khâu *tề gia* đã khác, thì các khâu khác như *trị quốc, bình thiên hạ* cũng sẽ khác theo, và đặc biệt là việc *tu thân* để làm tiền đề cho *tề gia* cũng không cần đặt ra một cách nghiêm mật nữa. Với gia đình hạt nhân, vấn đề "tình" lớn hơn là "lý"; tự nguyện lớn hơn chế ước. Vấn đề quan trọng ở chỗ sống có tình nghĩa, trách nhiệm là đủ, chứ không phải *tu thân* để trị lý gia tộc và quốc gia. Mô hình của Nho giáo là đi từ cá thể tới gia tộc, tới quốc rồi tới thiên hạ, tức đi từ đạo đức và hoạt động cá nhân tới hoạt động gia tộc và cuối cùng là hoạt động của xã hội. Theo phương thức tiếp nhận của Việt Nam, bắt đầu từ tầng thứ chính trị, thì mô hình và quá trình lại hoàn toàn ngược lại, đi từ chính trị quốc gia rồi tới cấu trúc lại gia tộc trên một góc độ nào đó, rồi tới con người cá thể. Chỉ có phương diện trách nhiệm xã hội, dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm của Nho gia thì được tiếp thu tốt hơn vì nó gặp gỡ với tinh thần trách nhiệm với công xã làng mạc và quốc gia của người Việt, nó lý tính hóa và hệ thống hóa cho tinh thần trách nhiệm của cá nhân đối với công xã.

(16) Xin xem. Phí Thành Khang. *Trung Quốc gia pháp tộc quy*. Thương Hải xã hội khoa học viên xuất bản xã. Thương Hải, Trung Quốc, 1998.

Sự khác biệt của Nho giáo Việt Nam với Nho giáo Trung Quốc nằm ngay trong quá trình tiếp nhận, nó đã khác biệt trong cung cách tiếp nhận phục vụ hệ thống chính trị và hoạt động chính trị, nhưng khi ảnh hưởng tới đời sống xã hội, làng xã, gia tộc, cá nhân thì nó đối diện với một hệ thống tổ chức sản xuất và đời sống khác hẳn, do đó nó chỉ có thể ảnh hưởng theo một mức độ mà kết cấu đó chấp nhận được. Nó biến thiên, hay nói cách khác là bản địa hóa theo định hướng như vậy. Cơ cấu gia tộc, gia đình và làng xã ở Việt Nam là nhân tố lớn nhất tạo ra bản sắc của Nho giáo ở Việt Nam.

Nho giáo ảnh hưởng tới làng xã và gia tộc, gia đình ở Việt Nam chậm chạp và không tiêu biểu, không cực đoan, không đầy đủ. Quá trình đó tới đầu thế kỷ XX vẫn chưa phải đã hoàn tất. Nó ảnh hưởng chậm và không toàn diện theo khuôn mẫu của Nho giáo, nhưng một khi đã ảnh hưởng thì nó lại có sức tồn tại dai dẳng, lâu bền. Khi quá trình Nho hóa đời sống làng xã và gia tộc chưa hoàn tất thì quá trình Âu hóa diễn ra. Âu hóa cũng không mạnh và cũng không triệt để. Và vài chục năm trở lại đây, xuất hiện phong trào "tái sinh văn hóa" ở nông thôn. ý thức gia tộc trỗi dậy, người ta tìm nguồn gốc tộc họ, nhận huyết thống, khôi phục gia ước, tộc ước, soạn lại gia phả, dựng lại nghi lễ cúng tế tổ tiên, xây lại nhà thờ, gắn kết gia tộc... chính trong phong trào này, Nho giáo lại xuất hiện với một diện mạo mới.

### **9. Tiếp nhận rút gọn và lựa chọn**

Nho giáo Trung Quốc được người Việt Nam tiếp nhận theo hướng lựa chọn cái gì mình cần, cái gì cho là hợp lý, không tiếp nhận toàn thể, tiếp nhận cả hệ thống. Có nhiều học phái Nho gia vốn là những học phái lớn, từng tạo ra những tranh luận học thuật rầm rộ ở Trung Quốc trong những thời gian dài nhưng lại hầu như không thấy có dấu vết ảnh hưởng tại Việt Nam. Chẳng hạn, tâm học của Lục Cửu Uyên và Vương Dương Minh hầu như rất ít được nhắc đến ở Việt Nam trước thế kỷ XX. Nhu cầu phục vụ chính trị đã hướng sự lựa chọn tới dòng chính thống Trình - Chu mà không hướng tới Lục - Vương. Những nhân vật có nhiều phát kiến về triết học như Thiệu Ung, Trương Tải, Vương Phu Chi ít có ảnh hưởng hơn một số nhân vật đậm sắc chính trị hay văn nhân như Đào Uyên Minh, Tô Đông Pha, Chu Hy và Nhị Trình... Việc tiếp nhận ảnh hưởng chỉ của một phái mạch hay một nhóm nào đó thực chất cũng là một sự tiếp nhận mang tính rút gọn và lựa chọn. Sự lựa chọn kiểu này sẽ làm mất đi nhiều ý nghĩa tư tưởng và hàm nghĩa đích thực của nó, vì nhiều học phái phát triển trong sự cạnh tranh và đối lập với các tư tưởng và học phái khác, khi tách ra khỏi các quan hệ đối lập đó, nó mất đi nhiều ý nghĩa. Thậm chí cũng có thể mạnh dạn đề xuất việc nghiên cứu tìm kiếm một phương thức tồn tại của Khổng Mạnh học hoặc Chu Tử học ở Việt Nam riêng

biệt trong sự mất đi các phương diện đối lập đó.

Trong hoạt động học thuật, thảo luận về điển tịch Nho học hoặc các vấn đề có liên quan, các nho sĩ Việt Nam thường tiến hành theo hướng giải thích, bình luận, chuyển dịch, thích nghĩa, tóm tắt, đề cương, diễn ca, diễn nghĩa hơn là những thảo luận sâu, hay tranh luận về các vấn đề văn bản cũng như tư tưởng. Các hoạt động thảo luận Nho học cũng gắn với và phục vụ cho giáo dục khoa cử là phần nhiều. Nghiên cứu có thảo luận sâu về văn bản một số tác phẩm kinh điển như Lê Quý Đôn, Bùi Dương Lịch, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Đức Đạt các thế kỷ XVIII, XIX là rất ít.

**10. Khó phân biệt đâu là Nho giáo gốc từ Trung Quốc đâu là Nho giáo sản phẩm của người Việt**

Như các phần trên đã trình bày, Nho giáo truyền vào Việt Nam từ nhiều nguồn, qua nhiều thời kỳ, lại tích tụ theo phương thức trầm tích lắng đọng hết lớp này tới lớp khác; vì vậy, có một số yếu tố khó phân biệt rạch ròi đâu là sản phẩm từ chính Nho giáo Trung Quốc đâu là sản phẩm của nhà nho Việt Nam. Chẳng hạn, việc dung hợp tam giáo. Sự dung hợp Nho giáo và Phật giáo, Đạo gia Đạo giáo với Phật giáo là việc đã diễn ra ít nhất là từ thời Ngụy Tấn ở Trung Quốc, mạnh mẽ hơn ở thời Đường Tống. Ở Việt Nam, thời Lý - Trần, Nho giáo chủ yếu tồn tại trong cơ chế tam giáo tịnh hành, tương ý tương tồn cùng ảnh

hưởng. Tư tưởng tam giáo cũng ảnh hưởng qua lại sang nhau. Thế kỷ XVIII của Trịnh Tuệ, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ... chủ trương tam giáo hợp nhất và thảo luận về tam giáo rất nhiều. Vậy đâu là sản phẩm tư tưởng, văn hóa Nho giáo đã qua sự hấp thụ, dung hợp Phật Đạo từ Trung Quốc từ trước khi truyền sang Việt Nam, đâu là sản phẩm dung hợp theo tinh thần tam giáo hòa đồng của người Việt Nam?

### *Kết luận*

Mười đặc điểm nêu trên của hoạt động và quá trình tiếp nhận Nho giáo ở Việt Nam mới chỉ là những phác thảo sơ giản, chưa đầy đủ về một quá trình văn hóa, tư tưởng hết sức phức tạp. Giữa những đặc điểm trên có mối liên hệ mật thiết với nhau, có những đặc điểm liên hệ nhân quả với nhau, quy định lẫn nhau. Những đặc điểm loại này cũng không tách rời với đặc điểm của quá trình truyền bá và ảnh hưởng từ Trung Quốc sang. Nó cũng liên hệ mật thiết, cùng hệ thống với các đặc điểm của Nho giáo Việt Nam nói chung. Cách thức tiếp nhận góp phần quy định tính chất và đặc điểm của Nho giáo tại Việt Nam nói chung. Mỗi một đặc điểm nêu trên đều cần thiết phải có sự tìm hiểu nghiên cứu sâu hơn, với những minh chứng cụ thể, định lượng rõ ràng hơn. Có những đặc điểm nêu ra mới chỉ dừng ở mức phán đoán, nêu tiêu điểm. Bài viết có tính chất đề cương, đặt vấn đề cho một hướng nghiên cứu sâu tiếp theo. □